

Sự tác động của các đặc điểm tính cách đến ý định đầu tư tài chính cá nhân: Một nghiên cứu trên thế hệ Y tại Tỉnh Bình Dương

The impact of personality traits on personal financial investment intentions: A study on generation Y in Binh Duong Province

Lê Đắc Duy¹, Trần Thị Thùy Trang²

¹Trường Đại học Bình Dương, Bình Dương

²Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương

Tác giả liên hệ: Trần Thị Thùy Trang. E-mail: trangttt@tdmu.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu sự tác động của các đặc điểm tính cách đến ý định đầu tư tài chính cá nhân của thế hệ Y trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với kỹ thuật phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính đa biến, dữ liệu thu thập từ 277 đối tượng là thế hệ Y tại tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động của các đặc điểm tính cách đến ý định đầu tư tài chính cá nhân của thế hệ Y bao gồm các yếu tố về hướng ngoại, tâm lý bất ổn, sự dễ chấp nhận, sự cẩn trọng, sẵn sàng trải nghiệm, ý định đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, tác động của thái độ đối với rủi ro tài chính. Từ đây, tác giả đề ra các giải pháp khuyến nghị gợi mở nhằm góp phần tham mưu cho các nhà phân tích, các công ty tài chính Việt Nam với mong muốn kêu gọi nhà đầu tư hoặc nhằm mục đích phân tích hành vi nhà đầu tư cá nhân thế hệ Y tại tỉnh Bình Dương.

Từ khóa: Đầu tư tài chính; rủi ro tài chính; thế hệ Y; tính cách

Abstract: This study aims to understand the impact of personality traits on personal financial investment intentions of generation Y in Binh Duong province. The research uses quantitative methods with exploratory factor analysis (EFA) and multivariate linear regression techniques, data collected from 277 generation Y subjects in Binh Duong province. Research results show that the impact of personality traits on generation Y's personal financial investment intentions includes factors of extroversion, psychological instability, acceptability, caution, willingness to experience, short-term and long-term financial investment intention, impact of attitude towards financial risk. From here, the author proposes suggested solutions to contribute to advising analysts and Vietnamese financial companies with the desire to attract investors or to analyze investor behavior. generation Y individuals in Binh Duong province.

Keywords: Financial investment; financial risk; generation Y; personality

1. Giới thiệu

Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2022 cho thấy tổng sản phẩm trong nước tăng 8,02% so với năm 2021. Ngoài ra, tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người ước tính đạt 95,6 triệu đồng, tương đương so với cùng kì năm ngoái là 4.110 USD, tăng 393 USD. Tổng đầu tư tài chính của toàn xã hội trong năm 2022 ước tính đạt 3.219,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2021. Trong đó, vốn đầu tư trực tiếp

nước ngoài thực hiện tại Việt Nam đạt 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm 2021. Các dự án đầu tư hiện nay có tổng số vốn đầu tư là 426,6 triệu USD. Từ các số liệu tương đối khả quan cho thấy mức độ tăng trưởng khả quan từ năm 2021 đến năm 2022 tăng 5% cùng với sự đầu tư của các cá nhân đóng góp vào việc phát triển các hoạt động kinh tế xã hội và hoạt động đầu tư quốc dân.

Tỉnh Bình Dương có diện tích là 2.695 km² với 4 thành phố, 1 thị xã và

4 huyện. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để tỉnh Bình Dương có nhiều thuận lợi trong việc giao lưu văn hóa, các hoạt động khoa học kỹ thuật và kinh tế với các tỉnh trong cả nước và quốc tế. Bên cạnh đó, vấn đề quy mô, cơ cấu, chất lượng về dân số có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước những thuận lợi về dân số cũng như điều kiện kinh tế cho thấy Bình Dương là một trong những khu vực có tiềm năng để các công ty tài chính mở rộng thị trường, kêu gọi đầu tư.

Theo nghiên cứu của Reynolds (1997), để phát triển khả năng khởi nghiệp từ độ tuổi 25 đến 39 không chỉ cần có sự quan tâm của gia đình mà cần kể đến các yếu tố về bằng cấp, yêu cầu công việc, có thể thích nghi được các rủi ro và ảnh hưởng của xã hội trong việc đổi mới xu hướng [1]. Tiếp đó, theo nghiên cứu của Enescu (2009), nhận thấy yếu tố tâm lý có ảnh hưởng lớn đến hành vi của cá nhân. Trong khi đó, các yếu tố về đặc điểm cá nhân, ý chí mong muốn khác nhau và nhận thức rủi ro có hoặc không xảy ra sẽ ảnh hưởng đến thái độ rủi ro và quyết định đầu tư của mỗi cá nhân [2].

Tại Việt Nam, theo thống kê dân số độ tuổi năm 2022 thì cá nhân thế hệ Y (tuổi từ 25 đến 39 tuổi) hiện nay đang chiếm 27,9% dân số cả nước. Như vậy có thể thấy nguồn lực nhà đầu tư thế hệ Y có tiềm năng rất lớn. Tuy nhiên, tác giả nhận thấy cá nhân Y có sự hiểu biết và kinh nghiệm có tham gia các hoạt động đầu tư thì rất ít về số lượng kênh đầu tư lẫn nguồn vốn đầu tư. Từ tổng quan các nghiên cứu, tác giả nhận thấy các nghiên cứu được thực hiện trên phạm vi rộng mà không cụ thể đối với các yếu tố như vùng miền, độ tuổi, giới

tính,... từ đây tác giả đã tổng hợp và phân tích nhằm tìm hiểu các nhân tố có liên quan đến hành vi quyết định đầu tư tài chính của các cá nhân thế hệ từ 25 – 39 tuổi cụ thể là trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra các kiến nghị nhằm góp phần thúc đẩy cho sự quan tâm của các nhà cổ vấn, công ty tài chính và các nhà đầu tư quan tâm mà cụ thể là đối tượng thế hệ Y.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Các vấn đề đặc điểm tính cách

Nghiên cứu McCrae và Costa(1997) ý kiến cho rằng cấu trúc nhân cách có tính phổ quát, các yếu tố tâm lý có ảnh hưởng đến tâm lý học, trình độ, sở thích nghề nghiệp và thái độ xã hội khi đưa ra các quyết định [3]. Và nghiên cứu của S.Kalra Sahi (2013), cho thấy các yếu tố có liên quan đến nhân khẩu học và kinh tế xã hội có ảnh hưởng đến sự hài lòng về tài chính của các cá nhân ở Ấn Độ thể hiện qua các yếu tố như độ tuổi, hôn nhân, nghề nghiệp, kinh nghiệm làm việc, thu nhập, tỷ lệ tiết kiệm, tính chất chỗ ở của hộ gia đình và thời hạn đầu tư đều ảnh hưởng đến mức độ hài lòng về quyết định đầu tư tài chính [4]. Tiếp đó, nghiên cứu của Hải Đường Tĩnh Nguyệt (2015), tác giả nhận xét những người có đặc tính cẩn thận, ngăn nắp, cầu toàn thì trong công việc họ là những người hoàn hảo, có khả năng thực hiện công việc giỏi và hướng tới chủ nghĩa hoàn hảo nhiều. Ngược lại, những người không có đặc tính này thì họ lại rất dễ tính, phóng khoáng, và ẩu tả [5]. Một nghiên cứu khác nữa của Andriani Samsuri (2019), nghiên cứu đã đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tài chính cá nhân, các quyết định này không những quan trọng đối với các nhà nghiên cứu, cổ vấn tài chính mà còn

quan trọng đối với quyết định đầu tư. Xu hướng chấp nhận rủi ro được xem là quan trọng nhất để cá nhân đưa ra quyết định đầu tư và đạt được các mục tiêu tài chính của mình. Ngoài ra, nhận thức cảm xúc về những đánh giá đối tượng đầu tư còn là biện minh cho quyết định đầu tư này [6]. Còn ở Việt Nam, Phùng Thái Minh Trang và Cộng sự (2021), nghiên cứu cho thấy rằng quyền cá nhân khi ra quyết định tài chính thì có ý nghĩa hơn trong việc giải thích các mục tiêu của cá nhân, hành vi chấp nhận rủi ro và thái độ sẵn sàng đón nhận khi có rủi ro. Tiêu biểu là tác giả đã cho thấy rằng quyền quyết định trong việc đầu tư tài chính có thể làm giảm mối quan hệ giữa thái độ chủ quan và việc chấp nhận rủi ro khách quan và kết quả cuối cùng của việc đưa ra quyết định có vai trò quan trọng trong việc chấp nhận rủi ro của cá nhân hành vi [7].

2.2. Cơ sở lý thuyết

Thuyết hành động hợp lý - TRA (Theory of Reasoned Action) được Ajzen và Fishbein xây dựng từ năm 1975. Mô hình TRA đã thể hiện những yếu tố dự đoán và hành vi của một cá nhân được bắt nguồn từ thái độ của cá nhân và áp lực xã hội từ trong nhận thức. Ngoài ra, hai yếu tố chính quyết định đến ý định là thái độ cá nhân và chuẩn chủ quan. Vì vậy, lý thuyết này góp phần giải thích cho những tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến ý định đầu tư tài chính cá nhân của thể hệ Y với các yếu tố: Hướng ngoại, tâm lý, cẩn trọng, chấp nhận.

Thuyết hành vi dự định - TPB (Theory of Planned Behavior - TPB) được xây dựng bởi Ajzen (1991), yếu tố nhận thức kiểm soát quyết định lựa chọn có ảnh hưởng tới ý định của con người, điều này phụ thuộc vào sự sẵn có của các

nguồn lực và các cơ hội để thực hiện hành vi. Từ đây, lý thuyết này được dùng để giải thích cho những tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến ý định đầu tư tài chính cá nhân của thể hệ Y với các yếu tố: trải nghiệm.

Lý thuyết đo lường lợi nhuận (Expenditure - Revenue accounting theory) do Martti Saario đề xuất vào năm 1950 dựa trên nguyên tắc thực hiện (Realization principle) và nguyên tắc phù hợp (Matching concept) trong việc ghi nhận các hoạt động giao dịch về chi phí, doanh thu và tài chính. Do đó, lý thuyết này vận dụng để giải thích cho những tác động của các yếu tố trong nghiên cứu này gồm: Đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn.

3. Phương pháp, dữ liệu và mô hình nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp kết hợp định tính và định lượng đi từ việc phân tích các nhân tố đến việc bàn luận các nhân tố được cho rằng là hữu ích. Từ tổng quan của các nghiên cứu trước đã được tác giả tổng hợp và xác định đó là các nhân tố ảnh hưởng đến việc đưa ra quyết định tài chính của các cá nhân. Từ đây tác giả đã soạn bảng câu hỏi gửi đến các khách hàng là cá nhân nhằm khảo sát việc họ đã và chuẩn bị tiếp cận với tín dụng. Sau khi kết thúc việc khảo sát, tác giả sử dụng phần mềm SPSS 20 để thực hiện các kiểm định để chứng minh độ tin cậy của các thang đo, tiếp đến là kiểm định EFA và cuối cùng là thực hiện hồi quy nhằm tìm các yếu tố có ảnh hưởng đến việc khách hàng có sử dụng tín dụng hay không [8].

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

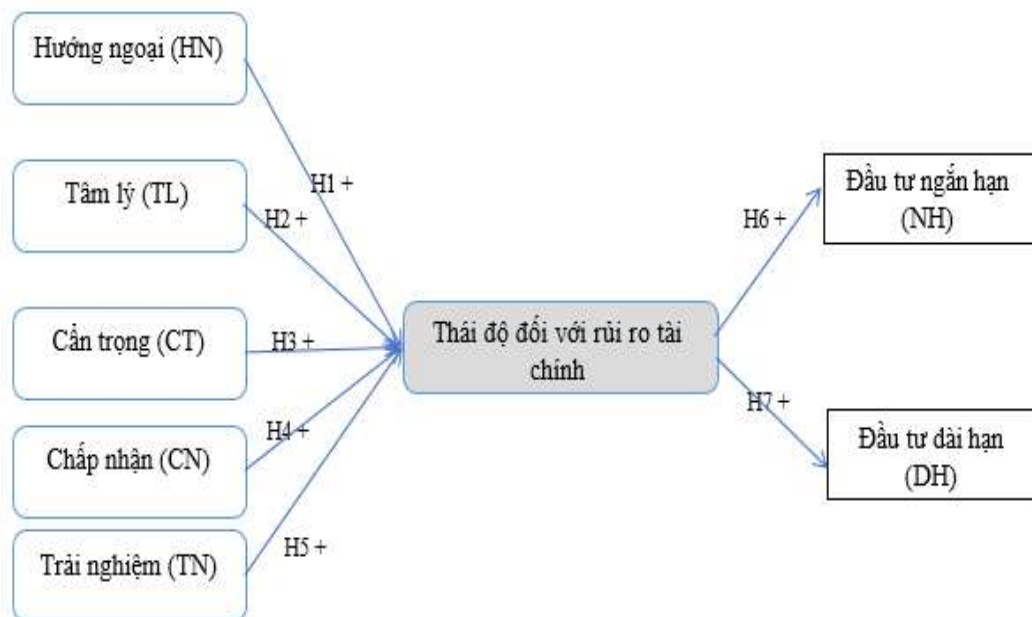
Tác giả thu thập dữ liệu thông qua việc khảo sát với 338 phiếu được phát ra cho

các đối tượng là cá nhân thế hệ Y trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Số phiếu khảo sát thu về được là 330 phiếu, sau khi loại bỏ các phiếu không đạt yêu cầu thì còn 277 phiếu được đánh giá là hợp lệ (81,95% hợp lệ). Thời gian thực hiện nghiên cứu từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2023. Khi có kết quả khảo sát, các giả

thuyết của mô hình được tiến hành kiểm định và từ đây một số đề xuất gợi mở được đưa ra căn cứ trên kết quả nghiên cứu này.

3.3. Mô hình nghiên cứu

Từ tổng quan nghiên cứu, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Đề xuất của tác giả

Các giả thuyết nghiên cứu được tác giả đề xuất như sau:

H1: Yếu tố hướng ngoại ảnh hưởng cùng chiều đến thái độ với rủi ro tài chính.(HN)

H2: Yếu tố tâm lý ảnh hưởng cùng chiều đến thái độ với rủi ro tài chính. (TL)

H3: Yếu tố cân trọng ảnh hưởng cùng chiều đến thái độ với rủi ro tài chính. (CT)

H4: Yếu tố chấp nhận ảnh hưởng cùng chiều đến thái độ với rủi ro tài chính. (CN)

H5: Yếu tố trải nghiệm ảnh hưởng cùng chiều đến thái độ với rủi ro tài chính. (TN)

H6: Yếu tố thái độ rủi ro tài chính có ảnh hưởng cùng chiều đến đầu tư ngắn hạn. (NH)

H7: Yếu tố thái độ rủi ro tài chính có ảnh hưởng cùng chiều đến đầu tư dài hạn (DH)

Bảng 1. Diễn giải các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu

Khái niệm	Tên biến quan sát	Thang đo	Nguồn tham khảo
	HN1. Cá nhân có lối sống tích cực.	Likert 1-5	

Khái niệm	Tên biến quan sát	Thang đo	Nguồn tham khảo
Hướng ngoại (HN)	HN2. Bản thân thường rất vui vẻ và có tinh thần lạc quan.	Likert 1-5	Hải Đường Tỉnh Nguyệt (2015).
	HN3. Lúc nào cũng cảm thấy muốn làm việc với tinh thần hăng say.	Likert 1-5	
	HN4. Bản thân rất thích bắt chuyện và nói chuyện với mọi người xung quanh.	Likert 1-5	
Tâm lý (TL)	TL1. Bản thân thường xuyên cảm thấy căng thẳng và bất an.	Likert 1-5	Hải Đường Tỉnh Nguyệt, 2015.
	TL2. Bản thân tự ti, mặc cảm vì thua kém người xung quanh.	Likert 1-5	
	TL3. Cá nhân cảm thấy căng thẳng và lo âu.	Likert 1-5	
	TL4. Cảm giác bản thân bất tài và không có giá trị.	Likert 1-5	
	TL5. Công việc thường xảy ra sai sót nên bản thân cảm giác chán nản và muốn bỏ cuộc.	Likert 1-5	
Cẩn trọng (CT)	CT1. Luôn giữ gìn đồ đạc của mình cẩn thận, sắp xếp ngăn nắp và sạch sẽ.	Likert 1-5	Hải Đường Tỉnh Nguyệt, 2015.
	CT2. Bản thân biết điều tiết nhịp độ công việc để thực hiện đúng thời hạn.	Likert 1-5	
	CT3. Bản thân tìm cách vượt qua khó khăn khi đưa mình vào khuôn khổ kỷ luật của công việc.	Likert 1-5	
	CT4. Bản thân thường cố gắng dành nhiều thời gian để giải quyết công việc.	Likert 1-5	
Chấp nhận (CN)	CN1. Bản thân luôn tìm cách thể hiện bản thân chu đáo.	Likert 1-5	.Hải Đường Tỉnh Nguyệt, 2015.
	CN2. Bản thân thường xung đột với gia đình, bạn bè.	Likert 1-5	
	CN3. Những người xung quanh luôn cho rằng tôi luôn cô lập và hay tính toán.	Likert 1-5	
	CN4. Bạn bè nhận xét tôi là người ích kỷ và tự cao.	Likert 1-5	
Trái nghiệm (TN)	TN1. Bản thân không quan tâm về môi trường xung quanh hay vũ trụ thiên nhiên.	Likert 1-5	McCrae và Costa (1997).
	TN2. Bản thân đam mê và thích thú tìm hiểu về các lý thuyết và ý tưởng mang tính chất trừu tượng	Likert 1-5	
	TN3. Bản thân bị thu hút bởi nghệ thuật.	Likert 1-5	
	TN4. Một trong những thói quen của bản thân là thường thức thức ăn lạ.	Likert 1-5	
Đầu tư ngắn hạn (NH)	NH1. Đầu tư thực hiện nghiên cứu của cá nhân mà không sử dụng dịch vụ bên ngoài.	Likert 1-5	S.Kalra Sahi (2013)
	NH2. Luôn so sánh kết quả đầu tư ngắn hạn của bản thân mình với người khác.	Likert 1-5	
	NH3. Dùng nửa số tiền tiết kiệm vào đầu tư chứng khoán	Likert 1-5	
	NH4. Tham gia các buổi tập huấn một lần một tuần.	Likert 1-5	
	DH1. Tìm hiểu về các kênh đầu tư dài hạn và an toàn.	Likert 1-5	S.Kalra Sahi (2013)
	DH2. Lập một danh mục các loại tài sản có thể đầu tư	Likert 1-5	

Sự tác động của các đặc điểm tính cách đến ý định đầu tư tài chính cá nhân:
 Một nghiên cứu trên thế hệ Y tại tỉnh Bình Dương

Khái niệm	Tên biến quan sát	Thang đo	Nguồn tham khảo
Đầu tư dài hạn (DH)	DH3. Dùng toàn bộ tiền tiết kiệm vào hoạt động đầu tư tài chính dài hạn	Likert 1-5	Hira (2012) [12]
	DH4. Bỏ ra một số tiền để đầu tư vào các loại tài sản có thời gian dài	Likert 1-5	
Thái độ đối với rủi ro tài chính (TD)	TD1. Có suy nghĩ xem nhẹ khi rủi ro trong đầu tư tài chính xảy ra và đó là một vấn đề không được xảy ra và phải tránh bằng mọi cách.	Likert 1-5	
	TD2. Mong muốn có tầng suất rủi ro thấp nhất với hiệu suất có thể chấp nhận được.	Likert 1-5	
	TD3. Cần có chiến lược đầu tư rõ ràng, không chấp nhận việc mạo hiểm với đầu tư mới trong khi các vấn đề có liên quan chưa được rõ ràng, ngay cả khi việc mới này đem lại lợi nhuận cao hơn.	Likert 1-5	
	TD4. Khó có thể chấp nhận nếu xảy ra rủi ro khi thực hiện đầu tư tài chính.	Likert 1-5	

4. Kết luận nghiên cứu và thảo luận

Trước hết, nghiên cứu thực hiện kiểm định Cronbach's Alpha là kiểm định nhằm phân tích, đánh giá độ tin cậy của thang đo (Bảng 3). Theo nghiên cứu của Nunnally & Bernstein (1994) thì mức giá trị hệ số Cronbach's Alpha $\geq 0,60$ là

Nguồn: Tổng hợp từ tổng quan nghiên cứu thang đo chấp nhận được về mặt độ tin cậy; Hệ số tương quan biến - tổng (hiệu chỉnh) Corrected item-total correlation $\geq 0,30$ cho biết biến đó đạt yêu cầu. Theo kết quả kiểm định thì các hệ số hệ số Cronbach's Alpha của thang đo đều đạt yêu cầu về kiểm định.

Bảng 2. Thống kê mẫu khảo sát

Giới tính		
Giới tính	Tần số	Tỷ lệ % (người)
Nam	145	52,3
Nữ	132	47,7
Tổng	277	100,0
Tuổi		
Độ tuổi	Tần số	Tỷ lệ % (người)
25 – 29 tuổi	118	42,6
30 – 34 tuổi	108	38,9
35 – 39 tuổi	51	18,5
Tổng	277	100,0
Thu nhập		
Thu nhập	Tần số	Tỷ lệ % (người)
Dưới 6 triệu VNĐ	27	9,7
Từ 6 triệu đến 10 triệu VNĐ	45	16,2
Từ 10 triệu đến dưới 15 triệu VNĐ	128	46,2
Từ 15 triệu đến dưới 25 triệu VNĐ	65	23,5

Từ 25 triệu VNĐ trở lên	12	4,4
Tổng	277	100,0

Nguồn: Kết quả phân tích số liệu từ phần mềm SPSS 2020

Bảng 3. Kiểm định thang đo

STT	Thang đo	Kết quả Cronbach's Alpha	Kết quả
1	Hướng ngoại (HN)	0,811	Chấp nhận
2	Tâm lý (TL)	0,856	Chấp nhận
3	Cẩn trọng (CT)	0,874	Chấp nhận
4	Chấp nhận (CN)	0,774	Chấp nhận
5	Trải nghiệm (TN)	0,806	Chấp nhận
6	Đầu tư ngắn hạn (NH)	0,791	Chấp nhận
7	Đầu tư dài hạn (DH)	0,830	Chấp nhận
8	Thái độ đối với rủi ro tài chính (TĐ)	0,811	Chấp nhận

Bảng 4. Kết quả các hệ số tải nhân tố khám phá

Biến quan sát	Nhân tố							
	Cẩn trọng	Tâm lý	Hướng ngoại	Thái độ rủi ro	Trải nghiệm	Đầu tư ngắn hạn	Chấp nhận	Đầu tư dài hạn
HN01			0,801					
HN02			0,669					
HN03			0,658					
HN04			0,763					
TL06		0,755						
TL07		0,762						
TL08		0,804						
TL09		0,766						
CN10							0,838	
CN11							0,722	
CN12							0,714	
CN13							0,859	
CT14	0,819							
CT15	0,753							
CT16	0,609							
TN18					0,728			
TN19					0,725			
TN20					0,696			
TN21					0,723			
NH22						0,711		
NH23						0,791		
NH24						0,703		
NH25						0,730		
DH26								0,829
DH28								0,596
DH29								0,620

Sự tác động của các đặc điểm tính cách đến ý định đầu tư tài chính cá nhân:
 Một nghiên cứu trên thế hệ Y tại tỉnh Bình Dương

Biến quan sát	Nhân tố							
	Cẩn trọng	Tâm lý	Hướng ngoại	Thái độ rủi ro	Trải nghiệm	Đầu tư ngắn hạn	Chấp nhận	Đầu tư dài hạn
TĐ30	0,643							
TĐ31	0,762							
TĐ32	0,740							
TĐ33	0,724							
Eigen value	7,264	3,402	2,522	1,905	1,663	1,456	1,367	1,138
Tổng phương sai trích: 57,998%								

Nguồn: Kết quả phân tích số liệu từ phần mềm SPSS 2020

Bảng 5. Kết quả kiểm định giá trị hội tụ, độ tin cậy tổng hợp và phương sai trích

			Trọng số hồi quy chuẩn hoá	p
Thang đo Hướng ngoại: CR= 0,816; AVE = 0,526				
HN01	< ---	Hướng ngoại	0,784	***
HN02	< ---	Hướng ngoại	0,685	***
HN03	< ---	Hướng ngoại	0,677	***
HN04	< ---	Hướng ngoại	0,750	***
Thang đo tâm lý: CR = 0,863; AVE = 0,612				
TL06	< ---	Tâm lý	0,753	***
TL07	< ---	Tâm lý	0,792	***
TL08	< ---	Tâm lý	0,802	***
TL09	< ---	Tâm lý	0,781	***
Thang đo cẩn trọng: CR = 0,875; AVE=0,636				
CT10	< ---	Cẩn trọng	0,812	***
CT11	< ---	Cẩn trọng	0,797	***
CT12	< ---	Cẩn trọng	0,766	***
CT13	< ---	Cẩn trọng	0,814	***
Thang đo chấp nhận: CR = 0,792; AVE = 0,559				
CT14	< ---	Chấp nhận	0,723	***
CT15	< ---	Chấp nhận	0,779	***
CT16	< ---	Chấp nhận	0,740	***
Thang đo trải nghiệm: CR = 0,806; AVE = 0,511				
TN18	< ---	Trải nghiệm	0,749	***
TN19	< ---	Trải nghiệm	0,687	***
TN20	< ---	Trải nghiệm	0,689	***
TN21	< ---	Trải nghiệm	0,731	***
Thang đo đầu tư ngắn hạn: CR = 0,831; AVE = 0,553				

NH22	< ---	Đầu tư ngắn hạn	0,761	***
NH23	< ---	Đầu tư ngắn hạn	0,815	***
NH24	< ---	Đầu tư ngắn hạn	0,653	***
NH25	< ---	Đầu tư ngắn hạn	0,736	***
Thang đo đầu tư dài hạn: CR = 0,771; AVE=0,530				
DH26	< ---	Đầu tư dài hạn	0,768	***
DH28	< ---	Đầu tư dài hạn	0,668	***
DH29	< ---	Đầu tư dài hạn	0,745	***
Thang đo thái độ rủi ro tài chính: CR = 0,812; AVE = 0,520				
TĐ30	< ---	Thái độ rủi ro tài chính	0,670	***
TĐ31	< ---	Thái độ rủi ro tài chính	0,764	***
TĐ32	< ---	Thái độ rủi ro tài chính	0,673	***
TĐ33	< ---	Thái độ rủi ro tài chính	0,771	***

Nguồn: Kết quả phân tích số liệu từ phần mềm SPSS 2020

Theo Kaiser (1974), giá trị $KMO \geq 0,90$ là rất tốt, $KMO \geq 0,80$ là tốt, $KMO \geq 0,70$ là được, $KMO \geq 0,60$ là tạm được, $KMO \geq 0,50$ là xấu và $KMO < 0,50$ là không chấp nhận. Trị số $KMO = 0,872$ thỏa mãn điều kiện $0,5 \leq KMO \leq 1$, như vậy phân tích nhân tố độc lập là phù hợp với dữ liệu thực tế.

Kết quả kiểm định Bartlett's test cho thấy các biến quan sát có giá trị

Sig.=0,000 < 0,05. Và giả thuyết H_0 bị bác bỏ (Bảng 4).

Các trọng số hồi quy chuẩn hoá trong kiểm định giá trị hội tụ, độ tin cậy của các biến quan sát đều có giá trị lớn hơn 0,5 và có ý nghĩa về mặt thống kê ($p < 0,05$), từ đây có thể kết luận các thang đo của các khái niệm nghiên cứu đều đạt giá trị hội tụ. (Bảng 5).

Bảng 6. Kết quả kiểm định các giả thuyết trong mô hình cấu trúc tuyến tính

Mối quan hệ	Trọng số hồi âm chuẩn hoá	P (P<0,05)	Kiểm định giả thuyết
Hướng ngoại và Thái độ rủi ro tài chính	0,223	0,002	Chấp nhận
Tâm lý và Thái độ rủi ro tài chính	0,214	0,009	Chấp nhận
Cẩn trọng và Thái độ rủi ro tài chính	-0,195	0,041	Chấp nhận
Chấp nhận và Thái độ rủi ro tài chính	-0,193	0,027	Chấp nhận
Trải nghiệm và Thái độ rủi ro tài chính	-0,215	0,019	Chấp nhận
Thái độ rủi ro tài chính và Đầu tư ngắn hạn	-0,193	0,029	Chấp nhận
Thái độ rủi ro tài chính và Đầu tư dài hạn	-0,263	0,003	Chấp nhận

Sự tác động của các đặc điểm tính cách đến ý định đầu tư tài chính cá nhân:
 Một nghiên cứu trên thế hệ Y tại tỉnh Bình Dương

Hướng ngoại và Đầu tư ngắn hạn	0,098	0,118	<i>Loại bỏ</i>
Hướng ngoại và Đầu tư dài hạn	-0,004	0,956	<i>Loại bỏ</i>
Tâm lý và Đầu tư ngắn hạn	-0,137	0,106	<i>Loại bỏ</i>
Tâm lý và Đầu tư dài hạn	-0,242	0,008	Chấp nhận
Cẩn trọng và Đầu tư ngắn hạn	0,188	0,017	Chấp nhận
Cẩn trọng và Đầu tư dài hạn	0,028	0,775	<i>Loại bỏ</i>
Chấp nhận và Đầu tư ngắn hạn	0,215	0,028	Chấp nhận
Chấp nhận và Đầu tư dài hạn	0,302	0,002	Chấp nhận
Trải nghiệm và Đầu tư ngắn hạn	0,334	0,003	Chấp nhận
Trải nghiệm và Đầu tư dài hạn	0,204	0,014	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả từ phân tích số liệu khảo sát từ phần mềm SPSS 2020

Đặc điểm của yếu tố cẩn trọng và trải nghiệm đều có tác động cùng chiều lên đầu tư tài chính. Với yếu tố chấp nhận tác động cùng chiều nhiều nhất đến việc đầu tư lâu hơn ($\beta=0,302$ và $P=0,002$) hơn đầu tư ngắn hạn ($\beta=0,215$ và $P=0,028$); trải nghiệm có tác động cùng chiều nhiều nhất đến đầu tư ngắn hạn ($\beta=0,334$ và $P=0,003$) hơn đầu tư dài hạn ($\beta=0,204$ và $P=0,014$). Các cá nhân có đặc điểm tính cách chấp nhận và mong muốn trải nghiệm thì lại có thái độ rủi ro tài chính ít hơn, nhưng khi ra quyết định thì những cá nhân này thường có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến những rủi ro tài chính có thể xảy ra để hạn chế rủi ro lớn nhất có thể xảy ra.

Nhìn từ góc độ tính cách trải nghiệm, dựa vào mức trung bình thang đo trải nghiệm là 69,2% thì các cá nhân thế hệ Y có đặc điểm thiên về tính trải nghiệm cao. Theo kết quả cho thấy các cá nhân đầu tư sẽ có hành vi lựa chọn đầu tư ngắn hạn hơn là đầu tư dài hạn và họ cần có nhiều phân tích và cơ sở vững chắc để đầu tư. Trong ngắn hạn tính cách thể hiện tác động mạnh khi họ luôn trong tâm thế sẵn sàng trải nghiệm, nhưng càng về dài hạn thì hành vi của đặc điểm tính cách này sẽ giảm.

5. Kiến nghị

Từ kết quả kiểm định cho thấy sự phù hợp của mô hình lý thuyết và dữ liệu khảo sát, từ đó các giả thuyết đề ra trong mô hình được chấp nhận: 4 giả thuyết về mối liên hệ giữa yếu tố hướng ngoại và đầu tư ngắn hạn; Hướng ngoại và đầu tư dài hạn; Tâm lý và đầu tư ngắn hạn và yếu tố chấp nhận; Đầu tư dài hạn bị bác bỏ do không có ý nghĩa về mặt thống kê. Hai đặc điểm tính cách chấp nhận và trải nghiệm có ảnh hưởng cùng chiều trực tiếp đến đầu tư ngắn hạn và dài hạn của các cá nhân đầu tư. Trong khi đó yếu tố tính cách hướng ngoại không có ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Yếu tố tâm lý có liên hệ trái chiều với đầu tư dài hạn, nhưng lại không có mối liên hệ với đầu tư ngắn hạn. Yếu tố cẩn trọng có liên hệ cùng chiều với đầu tư ngắn hạn, nhưng lại không có mối liên hệ với đầu tư dài hạn.

Ngoài ra, thông qua nghiên cứu tác giả cho thấy yếu tố cẩn trọng, chấp nhận và trải nghiệm có ảnh hưởng ngược chiều đến thái độ, tâm lý, hướng ngoại có ảnh hưởng cùng chiều đến thái độ. Yếu tố thái độ có ảnh hưởng ngược chiều đến đầu tư của các nhà đầu tư thế hệ Y trên địa bàn Tỉnh Bình Dương. Mô hình lý thuyết góp phần bổ sung vào hệ thống lý thuyết về mối liên hệ từ tính

cách đến quyết định đầu tư. Các công ty, tập đoàn tài chính tham khảo, vận dụng kết quả nghiên cứu để phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch marketing và thực hiện các chiến lược kinh doanh đáp ứng với hoạt cảnh kinh tế hiện tại với mỗi cá nhân có khả năng đầu tư khi xét về các yếu tố về tính cách lẫn phản ứng của họ về tình hình tài chính.

Từ kết quả nghiên cứu của bài viết, tác giả đã cho thấy việc đầu tư ngắn hạn và dài hạn là hoàn toàn không giống nhau khi xét vào các yếu tố thái độ của các cá nhân đầu tư ở lứa tuổi thế hệ Y tại Tỉnh Bình Dương. Việc đầu tư ngắn hạn bị ảnh hưởng, chi phối bởi yếu tố chấp nhận, thái độ rủi ro, yếu tố cần trọng và yếu tố trải nghiệm. Vấn đề cá nhân khi tham gia đầu tư dài hạn còn bị chi phối bởi yếu tố tâm lý, thái độ, yếu tố cần trọng và yếu tố trải nghiệm.

Bên cạnh đó, từ kết quả nghiên cứu tác giả còn nhận xét cá nhân có tính cách càng hướng ngoại thì dễ dàng chấp nhận rủi ro tài chính nhiều hơn. Do đó, cần có những kiến nghị về những rủi ro có thể xảy ra cho nhà đầu tư thấy được rủi ro cao thì lợi nhuận theo đó sẽ rất cao và ngược lại; nhà đầu tư có đặc điểm tâm lý bất ổn thì dễ dàng có thái độ chấp nhận rủi ro tài chính. Nhà đầu tư khó kiểm soát được thái độ của bản thân, hay thay đổi bất thường dễ xáo trộn tâm lý theo những thông tin không chính thống và có hành động sai lầm, cần có những kiến nghị, lời khuyên và có những lớp bồi dưỡng về tâm lý kinh doanh cho họ để hạn chế được những sai lầm không đáng có trong quyết định của họ; cá nhân có đặc điểm tính cách càng dễ chấp nhận thì càng có thái độ chấp nhận rủi ro tài chính thấp; cá nhân có tính cần trọng sẽ cẩn thận hơn khi đưa ra quyết định của mình nhưng đôi khi quá thận

trọng sẽ bỏ qua cơ hội quyết định đúng đắn, cần có lớp học bồi dưỡng về phân tích kỹ thuật thi trường theo bản đồ, lớp học về tâm lý trong việc lựa chọn kênh tài chính thích hợp, nhà đầu tư có nhiều đặc điểm tính cách càng mong muốn được trải nghiệm thì càng có yếu tố chấp nhận để hạn chế được tối đa rủi ro tài chính. Nhà đầu tư sẽ dễ dàng chấp nhận mạo hiểm, họ thích cảm giác mạo hiểm khi đưa ra quyết định mặc dù nhiều lúc rủi ro rất cao, Nhà đầu tư cần được kiến nghị từ các chuyên gia để cân nhắc lại việc mạo hiểm như vậy có xứng đáng, phù hợp và giúp họ nhận biết được họ sẽ chính xác được gì và mất gì khi đưa ra quyết định trong đầu tư; cá nhân càng có tính tâm lý bất ổn cao thì có mong muốn đầu tư tài chính dài hạn thấp và ngược lại. Nhà đầu tư cần được bồi dưỡng về tâm lý đầu tư, và các kiến nghị từ chuyên gia để đưa ra quyết định đúng đắn nhất.

So với các nghiên cứu trước đây, tác giả đã thực hiện nghiên cứu này một cách trung lập thích hợp với thời điểm, nhu cầu đầu tư tài chính hiện tại của các cá nhân thế hệ Y, cụ thể là các cá nhân thế hệ Y trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bên cạnh những kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng, nghiên cứu này còn có những hạn chế nhất định. Thứ nhất, nghiên cứu đã thu thập dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Vì vậy, việc khái quát hóa các yếu tố cần phải được xem xét cẩn thận. Thứ hai, nghiên cứu này chỉ xem xét yếu tố về hướng ngoại, tâm lý bất ổn, sự dễ chấp nhận, sự cần trọng, sẵn sàng trải nghiệm, ý định đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các yếu tố khác như đặc điểm nhân khẩu học cũng có thể có ảnh hưởng đáng kể đến ý định đầu tư của cá nhân Y. Các nghiên cứu trong tương lai nên xem xét tất cả các

yếu tố liên quan có thể ảnh hưởng đến ý định đầu tư của cá nhân. Thứ ba, nghiên cứu có cỡ mẫu nhỏ so với số dân thế hệ Y trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Nghiên cứu tiếp theo trong tương lai không chỉ tăng cỡ mẫu mà còn cố gắng thu thập dữ liệu từ tất cả các khu vực lân cận để khái quát hóa kết quả. Bên cạnh những hạn chế này, nghiên cứu đã cung cấp cái nhìn sâu sắc có giá trị trong việc tìm hiểu sự tác động của các đặc điểm tính cách đến ý định đầu tư tài chính cá nhân: Một nghiên cứu trên thế hệ Y tại Tỉnh Bình Dương.

Tài liệu tham khảo

- [1] Reynolds, Management Learning: Integrating Perspectives in Theory and Practice, 1997, 10.2307/2667111
- [2] Enescu, M., & Enescu, M. Psihonomy - psychology investors. Annals of the University of Petrosani, Economics, 9(1), 249-252, 2009.
- [3] McCrae, R. R., & Costa, P. T., Jr. Personality trait structure as a human universal. American Psychologist, 52(5), 509-516, 1997.
- [4] S.Kalra Sahi. Demographic and socio-economic determinants of financial satisfaction: A study of SEC-A segment of individual investors in India. International Journal of Social Economics, 2013.
- [5] Hải Đường Tĩnh Nguyệt. Mô hình tính cách năm yếu tố - Five Factor Model, 2015. Truy xuất từ <http://beautifulmindvn.com/2015/1/11/mo-hinh-tinh-cach-5-yeu-to-five-factor-model/>
- [6] Andriani Samsuri, Effects of Risk Tolerance and Financial Literacy to Investment Intentions, International Journal of Innovation, Creativity and Change, 2019. www.ijicc.net Volume 10, Issue 9, 2019.
- [7] Phung, T. M. T., Tran, Q. N., Nguyen, N. H., & Nguyen, T. H.. Financial decision-making power and risk taking. Economics Letters, 206, 2021.
- [8] Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc. Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS- Tập 1. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Hồng Đức, 2008.
- [9] Hira, T. K. Promoting sustainable financial behaviour: Implications for education and research. International Journal of Customer Studies, 36(5), 502-507, 2012.
- [10] Reynolds, Management Learning: Integrating Perspectives in Theory and Practice, 1997, 10.2307/2667111
- [11] Enescu, M., & Enescu, M. Psihonomy - psychology investors. Annals of the University of Petrosani, Economics, 9(1), 249-252, 2009.
- [12] McCrae, R. R., & Costa, P. T., Jr. Personality trait structure as a human universal. American Psychologist, 52(5), 509-516, 1997.
- [13] S.Kalra Sahi. Demographic and socio-economic determinants of financial satisfaction: A study of SEC-A segment of individual investors in India. International Journal of Social Economics, 2013.
- [14] Hải Đường Tĩnh Nguyệt. Mô hình tính cách năm yếu tố - Five Factor Model, 2015. Truy xuất từ <http://beautifulmindvn.com/2015/1/11/mo-hinh-tinh-cach-5-yeu-to-five-factor-model/>

Ngày nhận bài: 08/09/2023

Ngày hoàn thành sửa bài: 11/12/2023

Ngày chấp nhận đăng: 15/12/2023